SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 10
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : TIN HỌC

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000001	Nguyễn Trường	An	23/01/2010	Nam	11/3	
2	60000002	Võ Thiện	An	08/01/2010	Nam	11/1	
3	60000003	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	01/12/2010	Nữ	11/2	
4	60000005	Phạm Thị Ngọc	Anh	06/11/2010	Nữ	11/1	
5	60000006	Phạm Quốc	Bảo	17/12/2010	Nam	11/2	
6	60000008	Phạm Lê Gia	Bình	29/01/2010	Nam	11/1	
7	60000009	Trần Hữu	Bình	29/06/2010	Nam	11/3	
8	60000010	Ngô Hoàng	Châu	17/05/2010	Nam	11/1	
9	60000011	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	18/11/2010	Nữ	11/2	
10	60000012	Phạm Hoàng	Châu	03/11/2010	Nữ	11/3	
11	60000013	Phạm Ngọc	Châu	29/06/2010	Nam	11/4	
12	60000014	Phạm Ngọc Quỳnh	Châu	08/07/2010	Nữ	11/3	
13	60000015	Ung Thị Bảo	Châu	06/05/2010	Nữ	11/1	
14	60000016	Trần Lê Tùng	Chi	07/02/2010	Nữ	11/1	
15	60000017	Nguyễn Quốc	Chỉnh	30/08/2010	Nam	11/2	
16	60000018	Nguyễn Tấn	Chường	08/01/2010	Nam	11/3	
17	60000019	Đinh Châu	Cường	12/08/2010	Nam	11/1	
18	60000021	Phạm Thành	Danh	29/06/2010	Nam	11/1	
19	60000022	Hồ Văn	Diện	05/12/2010	Nam	11/4	
20	60000023	Nguyễn Thị Bích	Diệp	07/11/2010	Nữ	11/3	
21	60000024	Trần Nguyên Tiến	Diệp	24/02/2010	Nam	11/2	
22	60000025	Hồ Tôn Hoàng	Dung	02/02/2010	Nữ	11/4	
23	60000026	Hồ Lê Viết	Dũng	04/01/2010	Nam	11/2	
24	60000028	Bùi Trần Kiều	Duyên	15/08/2010	Nữ	11/4	
25	60000029	Huỳnh Thị Ánh	Dương	29/10/2010	Nữ	11/3	
26	60000030	Huỳnh Hoàng Tiến	Đạt	14/07/2010	Nam	11/4	
27	60000031	Lê Quốc	Đạt	12/07/2010	Nam	11/4	
28	60000032	Mai Quốc	Đạt	10/04/2010	Nam	11/2	
29	60000035	Võ Trương Duy	Đạt	04/07/2010	Nam	11/2	
30	60000036	Đoàn Nguyễn Khánh	Đoan	24/07/2010	Nữ	11/3	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 11
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : TIN HỌC

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000037	Hồ Ngọc	Hải	04/01/2010	Nam	11/4	
2	60000038	Ung Thị Duy	Hạnh	19/09/2010	Nữ	11/1	
3	60000039	Dương Thị Minh	Hằng	17/05/2010	Nữ	11/3	
4	60000040	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/02/2010	Nữ	11/2	
5	60000042	Ngô Vũ Gia	Hân	01/03/2010	Nữ	11/1	
6	60000043	Võ Kim Bảo	Hân	04/04/2010	Nữ	11/2	
7	60000044	Nguyễn Thành	Hậu	11/10/2010	Nam	11/4	
8	60000045	Lê Thị Bích	Hiền	09/11/2010	Nữ	11/3	
9	60000046	Huỳnh Trịnh Ngọc	Hiếu	28/09/2010	Nữ	11/3	
10	60000048	Phan Việt	Hoài	03/05/2010	Nữ	11/2	
11	60000050	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	25/04/2010	Nữ	11/3	
12	60000052	Dương Gia	Huy	04/11/2010	Nam	11/1	
13	60000053	Hoàng Minh	Huy	28/10/2010	Nam	11/1	
14	60000056	Nguyễn Lương Nguyên	Kha	25/05/2010	Nam	11/1	
15	60000057	Huỳnh Công	Khải	03/11/2009	Nam	11/2	
16	60000058	Lê Nguyễn Xuân	Khải	08/01/2010	Nam	11/1	
17	60000061	Huỳnh Tuấn	Khiêm	10/10/2010	Nam	11/4	
18	60000062	Dương Vũ Bá Anh	Khoa	10/08/2010	Nam	11/2	
19	60000064	Phạm Văn	Kiệt	16/10/2010	Nam	11/2	
20	60000065	Phan Lê Anh	Kiệt	05/05/2010	Nam	11/4	
21	60000066	Đoàn Quốc	Kỳ	10/09/2010	Nam	11/3	
22	60000067	Nguyễn Vũ Mỹ	Kỳ	25/11/2010	Nam	11/2	
23	60000068	Nguyễn Thị Lệ	Lam	12/04/2010	Nữ	11/1	
24	60000069	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	23/11/2010	Nữ	11/1	
25	60000070	Nguyễn Thanh	Liêu	04/05/2010	Nam	11/4	
26	60000072	Đặng Thùy	Linh	04/02/2010	Nữ	11/2	
27	60000073	Nguyễn Thị Vũ	Linh	30/06/2010	Nữ	11/2	
28	60000074	Trương Nguyễn Bảo	Linh	18/05/2010	Nữ	11/4	
29	60000075	Nguyễn Thị Kim	Long	02/12/2010	Nữ	11/4	
30	60000076	Nguyễn Đắc	Lộc	20/12/2010	Nam	11/4	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 12
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : TIN HỌC

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000077	Võ Thế	Lữ	08/08/2010	Nam	11/3	
2	60000078	Trần Thanh	Lưu	04/11/2010	Nam	11/2	
3	60000079	Huỳnh Phạm Yến	Ly	19/09/2010	Nữ	11/2	
4	60000081	Phạm Anh	Minh	09/10/2010	Nam	11/3	
5	60000082	Nguyễn Thị Trà	My	14/09/2010	Nữ	11/1	
6	60000083	Phạm Hoàng Nhật	My	12/09/2010	Nữ	11/3	
7	60000084	Võ Hoàng Phương	Nga	20/05/2010	Nữ	11/2	
8	60000085	Đặng Phương	Ngân	17/11/2010	Nữ	11/2	
9	60000086	Nguyễn Đỗ Thảo	Ngân	21/01/2010	Nữ	11/3	
10	60000087	Nguyễn Vũ Kim	Ngân	30/07/2010	Nữ	11/2	
11	60000089	Phạm Tàu Gia	Nghĩa	26/07/2010	Nam	11/3	
12	60000090	Cao Bảo	Ngọc	01/01/2010	Nữ	11/4	
13	60000091	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	13/11/2010	Nữ	11/4	
14	60000092	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	31/05/2010	Nữ	11/2	
15	60000093	Lê Xuân	Nguyên	24/12/2010	Nam	11/2	
16	60000094	Nguyễn Phương	Nguyên	05/12/2010	Nữ	11/2	
17	60000095	Trình Khôi	Nguyên	12/09/2010	Nam	11/1	
18	60000097	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	28/03/2010	Nữ	11/4	
19	60000099	Hồ Linh	Nhi	08/09/2010	Nữ	11/2	
20	60000100	Huỳnh Lê Bảo	Nhi	18/05/2010	Nữ	11/2	
21	60000101	Nguyễn Hạnh	Nhi	06/10/2010	Nữ	11/4	
22	60000102	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/06/2010	Nữ	11/1	
23	60000103	Phạm Hoàng Yến	Nhi	01/04/2010	Nữ	11/4	
24	60000105	Trương Thị Tuyết	Nhi	29/08/2010	Nữ	11/2	
25	60000107	Đoàn Thị Tuyết	Nhung	20/09/2010	Nữ	11/3	
26	60000108	Hồ Thị Ái	Như	09/04/2010	Nữ	11/1	
27	60000109	Huỳnh Nguyên Thảo	Như	15/01/2010	Nữ	11/4	
28	60000113	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21/12/2010	Nữ	11/4	
29	60000114	Võ Nguyên	Pháp	28/08/2010	Nam	11/3	
30	60000115	Nguyễn Doãn	Phúc	09/01/2010	Nam	11/2	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 13
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : TIN HỌC

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000116	Nguyễn Thành	Phúc	11/10/2010	Nam	11/3	
2	60000117	Võ Công	Phúc	04/05/2010	Nam	11/4	
3	60000118	Nguyễn Phan Diệu	Phương	23/03/2010	Nữ	11/3	
4	60000119	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2010	Nữ	11/1	
5	60000120	Nguyễn Hào	Quang	27/03/2010	Nam	11/4	
6	60000121	Võ Tấn	Quang	03/09/2010	Nam	11/3	
7	60000123	Võ Minh	Quân	24/09/2010	Nam	11/1	
8	60000124	Đoàn Văn	Quốc	04/12/2010	Nam	11/3	
9	60000125	Trương Ngọc	Quý	03/01/2010	Nam	11/4	
10	60000126	Đoàn Thị Diễm	Quỳnh	06/09/2010	Nữ	11/2	
11	60000127	Đỗ Huỳnh Thanh	Sơn	05/04/2010	Nam	11/3	
12	60000128	Y Khôi Pang	Sư	29/07/2010	Nam	11/3	
13	60000129	Lê Duy	Tân	06/08/2010	Nam	11/2	
14	60000131	Bùi Thanh	Thảo	26/10/2010	Nữ	11/2	
15	60000132	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	04/02/2010	Nữ	11/3	
16	60000133	Tăng Bách	Thảo	30/08/2010	Nữ	11/2	
17	60000134	Võ Hữu	Thắng	01/10/2010	Nam	11/1	
18	60000137	Nguyễn Thị Bích	Thuận	27/10/2010	Nữ	11/4	
19	60000140	Đoàn Vũ Minh	Thư	29/04/2010	Nữ	11/1	
20	60000141	Lê Thùy Anh	Thư	13/02/2010	Nữ	11/4	
21	60000143	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/08/2010	Nữ	11/2	
22	60000144	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/10/2010	Nữ	11/1	
23	60000145	Phạm Nguyễn Anh	Thư	06/01/2010	Nữ	11/2	
24	60000146	Võ Thị Anh	Thư	17/10/2010	Nữ	11/1	
25	60000147	Ngô Nguyễn Phương	Thương	12/03/2010	Nữ	11/1	
26	60000148	Phan Minh	Tiến	06/02/2010	Nam	11/2	
27	60000149	Trần Trọng	Tín	20/08/2010	Nam	11/1	
28	60000150	Phạm Quốc	Tĩnh	10/05/2010	Nam	11/3	
29	60000153	Nguyễn Thị Hiền	Trang	15/09/2010	Nữ	11/1	
30	60000154	Đoàn Bích	Trâm	17/05/2010	Nữ	11/4	
31	60000155	Đoàn Thị Bảo	Trâm	07/03/2010	Nữ	11/3	

Danh sách này có 31 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA- PHÒNG 14
Khối 11 - Giữa kỳ 1, Năm học : 2026-2027
MÔN : TIN HỌC

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000156	Hồ Thị Thanh	Trâm	01/05/2010	Nữ	11/3	
2	60000157	Nguyễn Thị Bích	Trâm	07/05/2010	Nữ	11/3	
3	60000158	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	08/01/2010	Nữ	11/1	
4	60000159	Huỳnh Thị Nhã	Trân	10/01/2010	Nữ	11/4	
5	60000160	Bùi Quang	Triết	20/06/2010	Nam	11/1	
6	60000161	Nguyễn Ngọc	Triều	05/11/2010	Nam	11/3	
7	60000162	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	16/08/2010	Nữ	11/2	
8	60000165	Trần Lê Thiên	Trúc	24/02/2010	Nữ	11/3	
9	60000166	Bùi Quang	Trường	17/05/2010	Nam	11/2	
10	60000167	Hồ Tấn	Trường	05/02/2010	Nam	11/1	
11	60000168	Võ Công	Trường	09/03/2010	Nam	11/2	
12	60000169	Trần Quốc	Tú	27/11/2010	Nam	11/1	
13	60000170	Dương Anh	Tuấn	06/10/2010	Nam	11/1	
14	60000173	Phạm Thanh	Tuyền	05/04/2010	Nữ	11/2	
15	60000174	Huỳnh Thị Thu	Uyên	13/06/2010	Nữ	11/4	
16	60000175	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	13/11/2010	Nữ	11/2	
17	60000176	Trương Nguyễn Thúy	Uyên	05/04/2010	Nữ	11/4	
18	60000177	Nguyễn Trịnh Công	Văn	28/09/2010	Nam	11/4	
19	60000178	Trương Thị Hồng	Vân	24/03/2010	Nữ	11/4	
20	60000179	Huỳnh Ngô Tường	Vi	11/08/2010	Nữ	11/3	
21	60000180	Nguyễn Thiện	Vi	19/08/2010	Nữ	11/1	
22	60000181	Phan Vũ Tường	Vi	09/09/2010	Nữ	11/1	
23	60000183	Võ Thanh	Việt	01/06/2010	Nam	11/1	
24	60000184	Võ Anh	Vũ	29/05/2010	Nam	11/4	
25	60000185	Dương Đinh Yến	Vy	04/11/2010	Nữ	11/1	
26	60000186	Huỳnh Bảo Tường	Vy	05/05/2010	Nữ	11/3	
27	60000187	Phạm Thị Tường	Vy	15/09/2010	Nữ	11/1	
28	60000188	Trần Nguyễn Minh	Vy	13/07/2010	Nam	11/2	
29	60000189	Đoàn Thị Thanh	Xuân	02/01/2010	Nữ	11/1	
30	60000190	Phan Huỳnh Ngọc Như	Ý	03/08/2010	Nữ	11/4	
31	60000191	Đinh Thị Thúy	Yên	27/05/2010	Nữ	11/3	

Danh sách này có 31 thí sinh./.